

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên
2. Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 997/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1011/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; địa chỉ: Tổ Đ 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công A; địa chỉ: Tổ Đ 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và Biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2018, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Công A tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, tuy nhiên do lúc đó chị và anh chưa đủ tuổi nên đến ngày 06/12/2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn chị và anh về sống tại nhà anh ở Tổ Đ 2, phường V, quận K, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị là anh Nguyễn Công A không quan tâm đến gia đình, chơi bời cờ bạc

dẫn đến việc nợ nần, tính cách ngày càng thay đổi khiến cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng. Mặc dù đã được bạn bè và hai bên gia đình khuyên can hoà giải nhiều lần, bản thân chị cũng đã cho chồng nhiều cơ hội để sửa sai, nhưng anh A vẫn không chịu thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Đến nay chị không còn tình cảm đối với anh Nguyễn Công A, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công A. Về con chung: chị và anh A có 02 con chung tên là Nguyễn Công V, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Công T, sinh ngày 24/12/2002. Chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Công A vắng mặt nên không có lời trình bày. Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Công A. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Công T, sinh ngày 24/12/2002 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Về án phí, chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

[1] Anh Nguyễn Công A là bị đơn trong vụ án và cư trú tại tổ Đ 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Công A: Anh Nguyễn Công A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Công A kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K,

thành phố Hải Phòng ngày 06 tháng 12 năm 2002, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Lời trình bày của chị Phạm Thị T và tài liệu, chứng cứ xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ, chồng chị T, anh A đã phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm. Do mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2016, không thể đoàn tụ được. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Công A đã trầm trọng và kéo dài, đời sống chung thực tế đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Công A có 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Công T, sinh ngày 24/12/2002. Lời khai của chị Phạm Thị T và tài liệu, chứng cứ xác minh thể hiện: Chị Phạm Thị T hiện đang trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Công T, sinh ngày 24/12/2002. Để đảm bảo việc học tập cũng như ổn định cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Công T, sinh ngày 24/12/2002 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Công A.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Công T, sinh ngày 24/12/2002 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của

pháp luật Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010212 ngày 27 tháng 8 năm 2018. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Công A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường V, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông